

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mức nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước lên chậm, mức nước cao nhất ngày 09/02 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm. Mức nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước lên chậm, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/02 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-50cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch lên chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/02 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 09/02 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 70cm, lên 19cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo xu thế triều đến ngày 12-13/02, sau lên chậm.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống nhanh theo triều đến ngày 12-13/02, sau lên chậm.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước trên các sông, kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm theo xu thế triều biển Tây trong những ngày tới.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>
Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 11/2/2026
Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 09/02						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	10/2	11/2	12/2	13/2	14/2
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	26	42	-3	145	17	20	131	126	121	120	123	25	22	19	15	10
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	18	48	21	150	6	30	139	133	128	126	129	17	13	9	4	-3
Hậu	Khánh An	420	470	520	63	33	8	131	1	7	129	126	123	120	122	61	59	56	52	48
	Châu Đốc	300	350	400	26	42	5	158	8	-8	147	142	136	135	138	24	21	17	13	8
	Long Xuyên	190	220	250	24	51	40	157	-1	33	150	144	139	137	140	23	19	15	10	3
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	20	49	15	154	9	28	143	137	132	130	133	19	15	11	6	-1
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	24	13	3	46	-4	0	47	46	44	43	42	24	23	21	19	18
	Vĩnh Gia	200	240	280	32	12	4	36	5	5	37	36	34	33	32	32	31	29	27	26
	Vĩnh Điều	170	200	230	40	11	5	44	8	1	45	44	42	41	40	40	39	37	35	34
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	41	10	8	45	7	3	46	45	43	42	41	41	40	38	36	35
T5	Nông Trường	160	190	220	49	9	9	54	7	6	55	54	52	51	50	49	48	46	44	43
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	30	9	7	54	-9	7	55	54	52	51	50	31	29	26	24	23
	Cô Tô	140	180	220	53	9	20	66	-4	21	69	68	66	65	64	54	52	49	47	46
	Nam Thái Sơn	90	120	150	49	6	-	55	-2	-	58	57	55	54	53	50	48	45	43	42
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	28	8	11	35	1	10	37	36	34	33	34	30	29	26	25	26
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	66	9	23	82	-2	22	84	83	81	80	81	68	67	64	63	64
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	71	17	21	112	-8	25	114	113	111	110	111	73	72	69	68	69
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	57	6	7	77	-8	6	80	79	77	76	75	59	58	55	54	53
	Tân Thành	120	150	180	55	8	15	64	-4	6	67	66	64	63	62	57	56	53	52	51
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	43	5	17	50	-4	7	53	52	50	49	48	45	44	41	40	39
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	19	10	30	35	4	1	33	31	33	35	37	18	17	16	15	14
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	7	22	37	70	-17	22	73	67	71	75	79	-11	-13	-15	-19	-24

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





